

Số: 2335/QĐ-UBND

Nam Định, ngày 24 tháng 10 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**V/v phê duyệt đồ án Quy hoạch phân khu xây dựng (tỷ lệ 1/2.000)
khu vực Phủ Dầy, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Căn cứ văn bản số 2756/BXD-QHKT ngày 17/11/2017 của Bộ Xây dựng về việc quy hoạch phân khu bảo tồn và phát huy giá trị khu vực di tích lịch sử Phủ Dầy, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định;

Căn cứ văn bản số 3168/BXD-QHPK ngày 29/12/2017 của Bộ Xây dựng về việc quy hoạch phân khu xây dựng khu vực Phủ Dầy, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định;

Căn cứ Quyết định số 3043/QĐ-UBND ngày 26/12/2017 của UBND tỉnh Nam Định về việc phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 3016/QĐ-UBND ngày 22/12/2016 của UBND tỉnh Nam Định về việc phê duyệt nhiệm vụ và dự toán Quy hoạch phân khu (tỷ lệ 1/2000) bảo tồn và phát huy giá trị khu di tích lịch sử văn hóa phủ Dầy, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định;

Căn cứ Thông báo số 114/TB-UBND ngày 15/6/2016 của UBND tỉnh Nam Định về việc lập Quy hoạch phân khu (tỷ lệ 1/2.000) bảo tồn và phát huy giá trị khu vực di tích lịch sử - văn hóa Phủ Dầy, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định;

Căn cứ văn bản số 826/UBND-VP5 ngày 22/11/2017 của UBND tỉnh Nam Định về việc điều chỉnh tên đồ án Quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị quyết số 77/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của HĐND tỉnh Nam Định về việc thông qua Quy hoạch phân khu xây dựng (tỷ lệ 1/2.000) khu vực Phủ Dầy, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định;

Xét đề nghị tại Tờ trình số 68/TTr-SXD ngày 15/10/2018 của Sở Xây dựng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đồ án Quy hoạch phân khu xây dựng (tỷ lệ 1/2.000) khu vực Phú Dầy, huyện Vụ Bản, với nội dung sau:

A. Điều chỉnh Nhiệm vụ quy hoạch:

Điều chỉnh tên Nhiệm vụ quy hoạch theo tên đồ án đã được UBND tỉnh đồng ý điều chỉnh tại Văn bản số 826/UBND-VP5 ngày 22/11/2017, thành “Nhiệm vụ Quy hoạch phân khu xây dựng (tỷ lệ 1/2.000) khu vực Phú Dầy, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định”.

B. Đồ án quy hoạch:

I. Danh mục các bản vẽ:

- 1 - Sơ đồ vị trí giới hạn khu đất quy hoạch (QH01).
- 2 - Bản đồ hiện trạng kiến trúc cảnh quan và đánh giá đất xây dựng (QH02A).
- 3 - Bản đồ hiện trạng hạ tầng kỹ thuật và môi trường (QH02B).
- 4 - Bản đồ hiện trạng môi trường (QH02C).
- 5 - Bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất (QH03).
- 6 - Sơ đồ tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan (QH04).
- 7 - Bản đồ thiết kế đô thị (TKĐT).
- 8 - Bản đồ quy hoạch hệ thống giao thông, chỉ giới đường đỏ và chỉ giới xây dựng (QH05).
- 9 - Bản đồ quy hoạch cao độ nền và thoát nước mưa (QH06).
- 10 - Bản đồ quy hoạch cấp nước (QH07).
- 11 - Bản đồ quy hoạch hệ thống cấp điện và chiếu sáng công cộng (QH08).
- 12 - Bản đồ quy hoạch thông tin liên lạc (QH09).
- 13 - Bản đồ quy hoạch thoát nước thải, quản lý chất thải rắn và nghĩa trang (QH10).
- 14 - Bản đồ tổng hợp đường dây đường ống kỹ thuật (QH11).
- 15 - Bản đồ đánh giá môi trường chiến lược (ĐMC).

II. Nội dung chính đồ án quy hoạch:

1. Phạm vi, ranh giới, quy mô, tính chất khu vực lập quy hoạch phân khu:

1.1. Vị trí, ranh giới:

Khu vực quy hoạch nằm chủ yếu trong địa phận hành chính xã Kim Thái, một phần xã Minh Tân và xã Tam Thanh, huyện Vụ Bản, có ranh giới cụ thể như sau:

- Phía Bắc giáp QL38B và xã Cộng Hoà;
- Phía Nam giáp thị trấn Gôi;

- Phía Đông giáp ruộng thôn Xuân Bàng, xã Kim Thái;
- Phía Tây giáp sông Sắt (ranh giới với huyện Ý Yên).

1.2. Quy mô:

- Quy mô diện tích lập quy hoạch là 498,40 ha. Trong đó:
 - + Phần diện tích thuộc xã Kim Thái là 451,13 ha, chiếm 90,5%.
 - + Phần diện tích thuộc xã Minh Tân là 25,05 ha, chiếm 5,0%.
 - + Phần diện tích thuộc xã Tam Thanh khoảng 22,22 ha, chiếm 4,5%.
- Dự báo quy mô dân số (bao gồm khách du lịch quy đổi) đến năm 2030 là 13.500 người.

1.3. Thời hạn quy hoạch: Đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

1.4. Tính chất phát triển:

- Là khu vực bảo tồn quần thể di tích lịch sử văn hóa gắn với di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại đã được UNESCO ghi danh là trung tâm thực hành Tín ngưỡng thờ Mẫu Tam Phủ của người Việt.
- Là khu vực trọng điểm phát triển du lịch văn hóa, lễ hội, tâm linh, thắng cảnh tiêu biểu của huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định, trên cơ sở gìn giữ, kế thừa bản sắc nông thôn truyền thống.

2. Cơ cấu sử dụng đất:

2.1. Định hướng phát triển không gian:

Toàn bộ khu vực quy hoạch chia làm 5 phân khu phát triển (Khu trung tâm, Khu Bắc, Khu Nam, Khu Đông, Khu Tây) dựa trên các định hướng chính là: Kế thừa bản sắc không gian định cư truyền thống, tổ chức các cửa ngõ đón khách du lịch, thiết lập hệ thống bến bãi có sức dung nạp và tính linh hoạt cao, định hướng cấu trúc giao thông đường bộ, phát triển không gian thương mại dịch vụ, xác lập không gian bảo vệ di tích, ổn định cư trú và nâng cao chất lượng sống, tổ chức không gian du lịch.

2.2. Quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất:

Toàn bộ khu vực quy hoạch chia làm 15 loại đất, với cơ cấu như sau:

Bảng tổng hợp sử dụng đất

TT	Sử dụng đất	Ký hiệu	Diện tích	Tỉ lệ
			(m ²)	(%)
TỔNG			4.984.000	100
1	Đất Nhóm ở		1.118.543	22,44
1.1	Đất ở hiện hữu	OH	823.553	16,52
1.2	Đất ở mới	OM	294.990	5,92
2	Đất Công trình giáo dục		42.122	0,85
2.1	Trường Mầm non	MG	8.938	0,18
2.2	Trường Tiểu học	TH	13.744	0,28

2.3	Trường Trung học cơ sở	TC	10.105	0,20
2.4	Trường dạy nghề	TN	9.335	0,19
3	Đất Công trình công cộng	CC	34.429	0,69
4	Đất Trụ sở cơ quan	CQ	13.007	0,26
5	Đất Du lịch	DL	147.307	2,96
6	Đất Thương mại dịch vụ	TM	71.931	1,44
7	Đất Công trình công nghiệp	CN	66.778	1,34
8	Đất Cây xanh cảnh quan, công viên, mặt nước		594.231	11,92
8.1	Quảng trường, công viên, cây xanh tập trung	CX	333.652	6,69
8.2	Cây xanh cách ly	CL	80.628	1,62
8.3	Mặt nước tập trung	MN	179.951	3,61
9	Đất Công trình tôn giáo, tín ngưỡng, di tích	DT	92.407	1,85
10	Đất Hỗn Hợp	HH	8.743	0,18
11	Đất Công trình hạ tầng kỹ thuật	HT	11.955	0,24
12	Đất Nghĩa trang	NT	43.678	0,88
13	Đất Lâm nghiệp (đồi núi)	NU	410.212	8,23
14	Đất Nông nghiệp	NN	1.680.989	33,73
15	Đất Giao thông	GT	647.668	12,99

3. Nguyên tắc tổ chức không gian:

3.1. Tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan, thiết kế đô thị:

Định hướng tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan đô thị theo 11 khu vực:

- Khu vực cửa Bắc: Giáp QL 38B, phía Nam giáp sông Tiên Hương, phía Tây giáp núi Ngăm, phía Đông giáp Kênh Bắc. Là cửa ngõ phía Bắc Phủ Dầy.

- Khu vực cửa Nam: Phía Bắc giáp nhóm di tích Lăng Mẫu Liễu Hạnh - Đền Cây Đa Bóng - Đền mẫu Đông Công, phía Nam giáp kênh nông nghiệp hiện có, phía Đông giáp ruộng, phía Tây giáp núi Báng.

- Khu vực cửa Đông Bắc: Phía Bắc giáp đường vành đai theo quy hoạch, phía Nam giáp thôn Vân Cát, phía Đông và Tây giáp ruộng thôn Vân Cát, Kênh Bắc đi xuyên qua trung tâm khu vực. Là khu vực cửa ngõ phía Đông Bắc, đồng thời là khu vực bảo tồn phát huy giá trị di tích lịch sử văn hóa cấp quốc gia Phủ Vân Cát.

- Khu vực Phủ Tiên Hương và phụ cận: Khu vực bảo tồn và khai thác phát huy giá trị nhóm công trình di tích lịch sử văn hóa gồm Phủ Tiên Hương, Khải Thánh Đài, Phủ Nội Tiên Đình, Đình Ông Không, và Đền Công Đồng.

- Khu vực công viên di tích chùa Tiên Hương: Phía Bắc giáp sông Tiên Hương, phía Nam giáp đường nối ra bãi xe Đền Mẫu Thượng Ngàn, phía Đông giáp QL 37B, phía Tây giáp đường ven chân núi Tiên Hương.

- Khu vực công viên di tích Lăng Thánh Mẫu: Phía Bắc giáp xóm Ba, phía Nam giáp xóm Ưông, phía Đông giáp trung tâm văn hóa xã, phía Tây giáp QL 37B. Là khu vực bảo tồn và phát huy giá trị nhóm công trình di tích lịch sử văn hóa gồm Lăng Mẫu Liễu Hạnh, Đền Cây Đa Bóng (Nguyệt Du Cung) và Đền Mẫu Đông Công.

- Khu vực công viên nông nghiệp: Phía Bắc giáp Công viên di tích Chùa Tiên Hương, phía Nam giáp Khu vực Cửa Nam, phía Đông giáp QL 37B, phía Tây giáp đường ven chân núi Tiên Hương. Là khu vực phát triển nông nghiệp theo định hướng vừa có giá trị sản lượng, vừa có giá trị thưởng ngoạn du lịch, kết nối không gian hoạt động du lịch tâm linh với thưởng ngoạn cảnh quan dãy núi Tiên Hương.

- Khu trung tâm hành chính - văn hoá - thể dục thể thao xã Kim Thái: Phía Bắc giáp thôn Tiên Hương, phía Nam giáp ruộng thôn Tiên Hương, phía Đông giáp kênh nông nghiệp, phía Tây giáp Công viên di tích Lăng Thánh Mẫu (tên theo đồ án quy hoạch). Là khu vực bố trí các công trình hạ tầng xã hội phục vụ toàn xã Kim Thái, cũng như toàn bộ Phủ Dầy. Gồm ba nhóm công trình: Trung tâm văn hóa, trung tâm hành chính, và trung tâm thể dục thể thao của xã Kim Thái.

- Khu vực dãy núi Tiên Hương: Phía Bắc giáp QL 38B, phía Nam ranh giới khu vực lập quy hoạch, phía Đông giáp đường ven chân núi, phía Tây giáp sông Sắt. Dãy núi có bốn ngọn núi với tên dân gian là Ngăm, Tiên Hương, Báng, và Lê. Là khu vực bảo tồn và phục hồi giá trị cảnh quan sinh thái đồi núi, đồng thời tạo cảnh quan nhằm phát triển các hình thức du lịch tâm linh, ngoạn cảnh, nghỉ dưỡng, trên cơ sở quản lý nghiêm ngặt về bảo vệ môi trường.

- Cảnh quan di tích và không gian hoạt động văn hoá tín ngưỡng.

- Không gian đơn vị ở.

3.2. Định hướng không gian chiều cao, mật độ xây dựng:

3.2.1. Khu ở:

- Mật độ xây dựng: Từ $\leq 50\%$ đến $\leq 100\%$, tùy thuộc vào loại hình nhà ở.

- Chiều cao công trình nhà ở từ 3-5 tầng tùy theo vị trí.

3.3.2. Các công trình công cộng: Tầng cao và mật độ xây dựng công trình tuân thủ quy chuẩn, tiêu chuẩn đối với từng loại công trình, mật độ xây dựng tối đa không vượt quá 40%, mật độ cây xanh tối thiểu 20%.

3.3.3. Các cơ sở thương mại dịch vụ: Tuân thủ theo các quy định hiện hành về chiều cao, mật độ xây dựng.

3.3.4. Khu vực không gian mở: Hạn chế xây dựng tường rào ngăn cách không gian mở. Mật độ xây dựng công trình tối đa 5%. Tỷ lệ phủ xanh tối thiểu 60%; diện tích bề mặt cứng (phủ bê tông) không quá 20% diện tích khuôn viên.

3.3.5. Đất công trình di tích, tôn giáo, tín ngưỡng: Các di tích lịch sử văn hóa đã được xếp hạng cần bảo tồn chỉnh trang cải tạo; áp dụng các quy hoạch chuyên ngành ở các nghiên cứu chuyên ngành cụ thể hơn để xác định ranh giới kiểm soát và hành lang bảo vệ. Đối với các di tích lịch sử, văn hoá, tôn giáo chưa xếp hạng, vùng sinh thái tự nhiên núi và ven sông, cần lập quy chế kiểm soát hoạt động xây dựng, khai thác.

4. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

4.1. Định hướng phát triển hệ thống giao thông:

4.1.1. Phát triển mạng lưới giao thông:

- Nâng cấp, cải tạo cảnh quan đoạn QL 37B đi qua khu vực lập quy hoạch, đồng thời là đường chính khu vực, đóng vai trò là trục giao thông chính và tuyến đường lễ hội Phủ Dầy, bao gồm 2 đoạn:

+ Đoạn tuyến rộng 50m được cơ cấu gồm đường chính và đường gom hai bên ngăn cách bởi hệ thống dải phân cách xanh, đảm bảo giao thông đối ngoại thông qua không ảnh hưởng tới giao thông nội bộ.

+ Đoạn tuyến rộng 30m đảm bảo 4 làn xe lưu thông 2 chiều, có dải phân cách giữa.

- Đường khu vực: Được nâng cấp, mở rộng từ các tuyến đường hiện hữu, kết nối các khu di tích trong khu vực trên cơ sở tôn trọng hiện trạng và hạn chế tối đa giải phóng mặt bằng, lộ giới từ 16-24m.

- Đường nội bộ rộng từ 8-10m, lòng đường 6m, vỉa hè từ 1-2m.

- Hình thành đường ưu tiên đi bộ trong mùa lễ hội, có cảnh quan hấp dẫn, nối kết trực tiếp với các khu chức năng chính của khu vực. Trong mùa lễ hội, hạn chế tối đa giao thông cơ giới đi xuyên qua khu vực Phủ Dầy bằng giải pháp ngăn chặn từ các cửa ngõ. Giao thông cơ giới đi vòng qua khu vực thông qua hệ thống đường vành đai.

4.1.2. Công trình đầu mối giao thông:

- Xây dựng bến xe khách đối ngoại kết hợp tại vị trí bãi đỗ xe cửa ngõ phía Nam của khu vực với diện tích 2.500m².

- Bãi đỗ xe:

+ Hình thành 04 bãi đỗ xe tại các vị trí cửa ngõ khu vực, 05 bãi đỗ xe phục vụ các điểm du lịch chính.

- Nút giao thông: Xây dựng các đảo giao thông trên trục đường chính khu vực.

- Giao thông công cộng: Ngoài 2 tuyến buýt hiện có NĐ06A và NĐ06B kết nối Thành phố Nam Định - huyện Ý Yên; thiết lập thêm tuyến NĐ04 kết nối Nam Định - Ninh Bình đi qua khu vực quy hoạch.

4.2. Giải pháp thiết kế cao độ nền:

Cao độ nền xây dựng của khu vực quy hoạch được khống chế như sau:

- Khu vực dân cư hiện hữu thuộc các thôn, xóm thuộc xã Kim Thái, cao độ xây dựng hiện trạng từ +2,5m đến +4,5m. Khi xây dựng tại các quỹ đất trống xen kẽ trong khu dân cư, cần phải nghiên cứu phù hợp với cao độ xây dựng từng khu vực để xem xét thiết kế cao độ xây dựng phù hợp, đảm bảo thoát nước tự chảy, không gây ngập úng cục bộ xung quanh, cao độ xây dựng từ +2,5m đến +3,5m.

- Khu vực xây dựng khu phát triển mới phải tuân thủ cao độ xây dựng từ +2,5m đến +3,0m.

- Các khu vực có địa hình cao ven đồi, chỉ cho phép san gạt cục bộ tạo mặt phẳng để xây dựng hạng mục công trình.

4.3. Thoát nước mưa:

Khu vực quy hoạch định hướng phân chia thành 4 lưu vực thoát nước mưa:

- Lưu vực 1: Phía Bắc sông Tiên Hương, thoát theo sông Tiên Hương ra sông Sắt.

- Lưu vực 2: Phía Đông QL 37B, thoát qua kênh Nam ra sông Sắt.

- Lưu vực 3: Phía Tây QL 37B, thoát ra sông Sắt.

- Lưu vực 4: Phía Nam núi Báng, thoát qua kênh Nam ra sông Sắt.

4.4. Quy hoạch cấp nước:

Nguồn nước lấy từ Trạm cấp nước nước thị trấn Gôi, huyện Vụ Bản. Cải tạo và nâng cấp tuyến cấp nước từ thị trấn Gôi từ D75 thành D150 chạy dọc theo tuyến đường QL 37B để cung cấp nước cho khu vực. Quy hoạch xây dựng một trạm bơm tăng áp với công suất 1.300 m³/ngàyđêm.

4.5. Hệ thống cấp điện:

Nguồn điện lấy từ trạm 110kV Vụ Bản thông qua tuyến trung thế chạy dọc QL37B.

- Cải tạo nâng cấp tuyến 22kV hiện hữu chạy dọc tỉnh lộ về cấp điện áp chuẩn 22kV. Hướng tuyến chạy trên vỉa hè tuyến tỉnh lộ tạo quỹ đất xây dựng công trình xã hội phục vụ nhu cầu của địa phương. Xây mới các nhánh rẽ 22kV cấp điện cho các trạm 22/0,4kV.

- Trạm hạ thế sử dụng trạm 22/0,4kV công suất từ 250-560kVA, trạm hạ thế đặt ở vị trí cây xanh, đất công cộng và nằm ở trung tâm phụ tải, bán kính cấp điện không quá 800m đảm bảo độ tin cậy cung cấp điện. Lưới hạ thế sử dụng điện áp 220/380V ba pha bốn dây trung tính.

4.6. Hệ thống thông tin liên lạc:

Đảm bảo độ tin cậy: Dịch vụ thông tin liên lạc được đảm bảo chất lượng và độ sẵn sàng phục vụ trong các hoàn cảnh khác nhau. Đảm bảo thoả mãn tiêu chuẩn kết nối, lắp đặt và khai thác.

4.7. Hệ thống thoát nước thải và vệ sinh môi trường:

4.7.1. Thoát nước thải:

- Nước thải được thu gom và dẫn về trạm xử lý nước thải (diện tích 1,0 ha) nằm về phía Nam khu vực quy hoạch với công suất 1.000m³/ngàyđêm. Trên tuyến bố trí 03 trạm bơm tăng áp để bơm hỗ trợ cho đường cống khi độ sâu không chôn quá 4,0m. Nước thải sau khi xử lý đạt tiêu chuẩn loại B mới xả ra kênh, sau đó ra sông Sắt.

- Xây dựng các nhà vệ sinh công cộng, quy mô 20-30m²/công trình, bố trí trong khu công viên, khu vực bến bãi đáp ứng nhu cầu sử dụng.

4.7.2. Vệ sinh môi trường:

a. Chất thải rắn (CTR):

- Tỷ lệ thu gom CTR đạt 100% và được phân loại tại nguồn.
- Quy hoạch 03 điểm trung chuyển CTR diện tích khoảng 50m².
- CTR sau khi thu gom được chuyển đến xử lý tại khu xử lý CTR tập trung của thành phố tại xã Lộc Hoà.

b. Nghĩa trang:

- Khu vực nghĩa trang thuộc xã Kim Thái sẽ chôn cất tại các khu nghĩa trang theo đồ án quy hoạch nông thôn mới, không mở rộng và thực hiện khoanh vùng, cải tạo thành công viên nghĩa trang.

- Các nghĩa trang quá nhỏ lẻ, quy mô bé, tương lai sẽ gom về các nghĩa trang hiện hữu, khoanh vùng để đảm bảo mỹ quan cũng như hạn chế ảnh hưởng đến môi trường.

- Các nghĩa trang có nguy cơ ô nhiễm môi trường, từng bước hạn chế chôn cất, khoanh vùng và có biện pháp cải tạo để bảo vệ môi trường.

5. Đánh giá môi trường chiến lược:

5.1. Mục tiêu:

- Bảo vệ môi trường đất, nước, không khí đảm bảo các yêu cầu chất lượng và giữ gìn hệ sinh thái để góp phần cải thiện vi khí hậu và tạo cảnh quan cho khu vực kết hợp sử dụng cho các mục đích kinh tế - xã hội khác.

- Phát triển bền vững, đảm bảo các tiêu chí về tiện nghi, nâng cao chất lượng môi trường và hình thành môi trường sống tốt cho cư dân trên cơ sở phát huy giá trị của di sản văn hoá phi vật thể.

- Phát triển nông nghiệp theo hướng thân thiện môi trường và xây dựng các khu dân cư nông thôn hướng tới các tiêu chí về vệ sinh môi trường và đầy đủ tiện nghi, nâng cao điều kiện sống cho người dân nông thôn.

5.2. Giải pháp bảo vệ môi trường:

- Phân vùng kiểm soát, quản lý bảo vệ môi trường.
- Quản lý kỹ thuật trong khai thác, sử dụng công trình.
- Thường xuyên quan trắc, giám sát môi trường định kỳ. Xây dựng hệ thống dữ liệu về bảo tồn các công trình di tích văn hoá - lịch sử để phục vụ công tác phục dựng và sửa chữa nhằm giữ lại được những đặc trưng kiến trúc, cấu trúc các di tích.

6. Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch:

Việc quản lý thực hiện quy hoạch được quy định cụ thể trong "Quy định quản lý Quy hoạch phân khu xây dựng (tỉ lệ 1/2.000) khu vực Phủ Dầy, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định" kèm theo đồ án này.

Điều 2. - Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký;

- Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các cơ quan: Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường; Chủ tịch UBND huyện Vụ Bản và Thủ trưởng các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu: Vp1, Vp5.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**



Ngô Gia Tự